

Bản án số: 10/2021/HS-ST

Ngày: 15 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hải.

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/HSST-QĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/HSST-QĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Như N, sinh năm 2000; nơi sinh, nơi cư trú: Thôn HT 2, xã HT, huyện PT, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Như L và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội từ ngày 12/3/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Như Thái Dũng và Luật sư Nguyễn Việt Cường - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thái Dũng - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội “Có mặt”.

- Người bị hại:

+ Ông Đỗ Xuân U, sinh năm 1968; trú tại: Thôn HT 1, xã HT, huyện PT, Thành phố Hà Nội “Có mặt”.

+ Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1997; trú tại: Thôn HT 1, xã HT, huyện PT, Thành phố Hà Nội “Vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Xuân C, sinh năm 1992; trú tại: Thôn HT 1, xã HT, huyện PT, Thành phố Hà Nội “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ đầu năm 2019 bị cáo Đỗ Như N cho anh Đỗ Xuân C vay tiền nhiều lần, tính đến tháng 8 năm 2019 chốt số tiền gốc vay là 80.000.000 đồng, lãi xuất theo thỏa thuận là 5000 đồng/triệu/ngày. Đến tháng 10 năm 2019 khi anh C không trả được tiền gốc và lãi, do sợ bị đánh nên anh C đã đi khỏi địa phương, bị cáo N nhiều lần tìm gặp, gọi điện, nhắn tin đe dọa, ép buộc chị H là vợ của anh C phải trả nợ cho anh C (Là chồng chị H) số tiền là 110.000.000 đồng, trong đó 80.000.000 đồng là tiền gốc và 30.000.000 đồng là tiền lãi; nhưng chị H không có tiền trả cho bị cáo.

Sau khi đến nhà gặp và yêu cầu chị Đỗ Thị H phải trả nợ thay cho chồng, ngày 23/10/2019 bị cáo N nhắn tin đến số điện thoại của chị H với nội dung “Chúng mày cố tình không trả, tao cho chúng mày biết thế nào là lệch tao, tao sẽ cho mày biết”. Ngày 27/10/2019 bị cáo N tiếp tục nhắn tin “Tối 7 giờ xếp tiền tao qua lấy”; sau đó khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo N một mình đi đến nhà chị H thì chị H nói mới chỉ thu xếp trả trước 40.000.000 đồng, xin hẹn 20 ngày sau sẽ trả nốt nhưng bị cáo N không đồng ý. Bị cáo chửi, đe dọa chị H và nói “Tao không để yên cho bố mẹ mày đi làm đâu, thằng em mày đi học ra ngoài đường tao bẻ gãy chân, gãy tay”. Sau đó một lúc N lại gọi điện đe dọa chị H “Tao đi tìm chặt chân thằng chồng mày, cả con gái mày, ngày mai mày muốn gặp con mày không?”; dọa cắt gân chân tay em trai chị H. Ngày 02/11/2019 N tiếp tục nhắn tin “Mùng 10 mà không trả tao thì tao cho mày biết”. Sau đó do vẫn chưa trả được tiền cho N, nên chị H bị N gọi điện chửi bới “Mày định lệch tao, tao cho mày biết”. Thấy N liên tục đe dọa như vậy nên chị H không dám ở lại nhà mình mà mang theo con nhỏ đến ở nhờ tại nhà bố, mẹ đẻ của mình.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 22/11/2019, chị H đi làm về đến nhà bố mẹ đẻ thì thấy có 3 - 4 xe ô tô đỗ ở đầu ngõ, gần cổng nhà bố mẹ đẻ chị và có bị cáo Đỗ Như N đứng ở đó. Chị đi vào nhà thì thấy Nguyễn Phú T và khoảng 20 thanh niên lạ mặt chưa xác định được ai, ở đâu, đang đứng ở trong sân. Khi chị vừa dừng xe, chưa kịp bước xuống xe thì bị hai thanh niên lạ mặt giữ tay, còn Nguyễn Phú T dùng tay tát liên tiếp vào mặt, vừa chửi “Đ. mẹ mày, mày không trả tiền tao à?”. Chị H nói “Em nợ gì tiền của anh!” thì bị T đạp bằng chân 3 - 4 cái vào bụng; đồng thời quát chửi, đe dọa “Sáng ngày mai nhà mày phải sang nói chuyện với tao, không thì đeo yên với tao đâu”. Thấy chị H bị đánh, chửi, bà Nh định chạy ra ngoài kêu cứu thì bị một số thanh niên giơ gậy, giơ chiếc bình hình ống trụ tròn ra đe dọa, không cho bà chạy ra cổng. Sau đó, đánh, chửi, đe dọa chị H, yêu cầu hôm sau gia đình chị H phải gặp T, sau đó T và số thanh niên đó rời khỏi nhà, lên các xe ô tô đỗ ở đầu ngõ rời đi.

Sau khi bị bị cáo N đe dọa, T đánh đập nên tối ngày 22/11/2019 chị H đến nhà ông Đỗ Xuân U là bố anh Đỗ Xuân C kể lại sự việc chồng chị vay tiền của bị cáo N không trả được, bị N gọi điện, nhắn tin, đến nhà vợ chồng chị và nhà bố mẹ chị chửi bới, đánh đập, đe dọa. Ngày 23/11/2019 lo sợ tiếp tục bị T, bị cáo N đánh đập, bắt cóc con, đến nhà đánh đập bố, mẹ mình nên chị H đưa con đến ở nhờ phòng trọ của anh trai mình để ở.

Do lo sợ bị bị cáo Đỗ Như N tiếp tục đánh đập mẹ con chị H nên ông U đã bán đất để lấy tiền trả nợ thay cho anh C. Ngày 26/11/2019 ông U đã gọi bị cáo N đến nhà trả cho N 100.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nhận và viết giấy xác nhận anh C không còn nợ tiền nữa.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra bị cáo khai nhận trong năm 2018 anh Đỗ Xuân C được bị cáo cho vay tổng số tiền 80.000.000 đồng, vay làm 04 lần, các lần anh C vay tiền của N đều không viết giấy tờ biên nhận gì, lãi xuất theo thỏa thuận miệng là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến khoảng tháng 10/2019 do anh C không trả được số tiền gốc, lãi cho N nên bị cáo nhiều lần đến nhà anh C để đòi nợ nhưng không gặp anh C. Sau đó bị cáo đã tìm gặp, gọi điện thoại cho chị H (Là vợ của anh C) yêu cầu phải trả cho bị cáo tổng số tiền 110.000.000 đồng, trong đó 80.000.000 đồng là tiền gốc và 30.000.000 đồng là tiền lãi. Trong khi gia đình anh C chưa trả được tiền cho bị cáo thì bị cáo đã nhờ Nguyễn Phú T đến nhà bố, mẹ chị H để đòi nợ giúp, nên sau đó bố đẻ của anh C là ông U đã tìm gặp bị cáo và bảo bị cáo đến nhà ông và ông trả cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng. Vì là người cùng làng, xã nên bị cáo không lấy đủ số tiền 110.000.000 đồng mà anh C nợ.

Đối với Nguyễn Phú T căn cứ tài liệu điều tra cho thấy ngoài lần đồng phạm tội trong vụ án cưỡng đoạt tài sản của ông Đỗ Xuân U thì T còn nhiều lần phạm tội, hiện đang bị truy nã nhưng chưa bắt được, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 91/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đỗ Như N về tội Cưỡng đoạt tài sản, theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Cưỡng đoạt tài sản. Đề nghị áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải thanh toán trả cho ông Đỗ Xuân U 20 triệu đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tại Cơ quan thi hành án. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tại phiên tòa nhận thức hành vi của mình là sai, nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt ở mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo nhất trí trả lại cho ông U số tiền đã chiếm đoạt nên đã tác động đến gia đình để gia đình nộp tiền trả lại cho ông U.

Ông Đỗ Xuân U đề nghị xác định ông là người bị hại và ông yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền 20 triệu đồng, về hình phạt ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chị Đỗ Thị H cũng có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề nghị xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Đỗ Xuân U và xác định ông U là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải là người bị hại. Do ngày 22/11/2019 bị cáo có đi cùng một số thanh niên đến nhà ông V, bà Nh, nhưng bị cáo chỉ đứng ngoài không vào nhà; mặt khác bị cáo chỉ có đến nhà ông V, bà Nh lần đó thôi, ngoài

ra không có lần nào khác. Vì vậy Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Trong vụ án có một số người làm chứng chưa được xem xét, có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm. Vì vậy đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung, nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận thì đề nghị xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Luật sư, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tư cách tố tụng của ông Đỗ Xuân U, vì ông U chỉ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chứ không phải là người bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đỗ Thị H là người bị bị cáo đe dọa sẽ dùng vũ lực để uy hiếp về tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản. Ông Đỗ Xuân U mặc dù không bị uy hiếp về tinh thần nhưng nghe chị H nói chuyện về việc chị, chồng chị, bố mẹ chị và con bị bị cáo uy hiếp có khả năng liên quan đến tính mạng nên ông đã phải bán đất để trả cho bị cáo. Như vậy Hội đồng xét xử xác định bị cáo có thủ đoạn khác nhằm chiếm đoạt tài sản của ông U nên xác định ông U, chị H là người bị hại là đúng theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo khai không nhớ rõ những lời khai tại Cơ quan điều tra do thời gian đã lâu. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng đề nghị xem xét lại trách nhiệm hình sự của bị cáo. Kiểm sát viên giữ nguyên qua điểm truy tố. Tuy nhiên trên cơ sở kết quả điều tra, diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2019 đến tháng 10/2019, bị cáo Đỗ Như N có cho anh Đỗ Xuân C vay tiền làm bốn lần, với số tiền gốc cho vay là 80.000.000 đồng, tiền lãi là 30.000.000 đồng; tổng cộng anh C phải trả là 110.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, anh C không trả được cho bị cáo, nhưng bị cáo không khởi kiện ra Tòa án để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự mà bị cáo đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin đe dọa đồng thời nhờ người khác dùng vũ lực đánh đập nhằm uy hiếp tinh thần chị Đỗ Thị H (Là vợ anh C), gia đình bố mẹ để chị H nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản. Mặc dù bị cáo biết rõ chị H, ông U không biết việc anh C vay tiền của bị cáo; bản thân bị cáo cũng biết được chị H, ông U không liên quan gì đến việc vay mượn đối với bị cáo. Với việc dùng thủ đoạn để uy hiếp tinh thần nên ông Đỗ Xuân U phải đưa cho bị cáo 100.000.000 đồng. Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo chưa gây ồn ào, náo loạn làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự là chưa đủ căn cứ.

[3]. Xét tính chất mức độ của vụ án: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, tuy nhiên tại phiên tòa ban đầu bị cáo còn quanh co, khai chưa rõ, nhưng sau khi được nghe giải thích thì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động đến gia đình để gia đình nộp tiền trả lại cho người bị hại. Người bị hại có có đơn xin miễn, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy nên áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có điều kiện về kinh tế để thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Đỗ Xuân U' yêu cầu bị cáo phải trả lại 20 triệu đồng, bị cáo nhất trí. Số tiền này đã được gia đình bị cáo nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Xử phạt bị cáo Đỗ Như N 30 (Ba mươi) tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 12/3/2020.

Áp dụng Điều 584; Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Như N phải trả cho ông Đỗ Xuân U' 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tiền số: 0006907 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Bị cáo Đỗ Như N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự. Được trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tiền số: 0006907 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội. Bị cáo còn phải nộp tiếp 1.000.000 đồng án phí dân sự.

Bị cáo Đỗ Như N và ông Đỗ Xuân U' có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Anh Đỗ Xuân C có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- Công an huyện PT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Duy Chinh